

Bản án số: 09/2021/KDTM-PT
Ngày: 27-10-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT-KDTM, ngày 11 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST, ngày 22-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ trụ sở: Đường L, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B. Địa chỉ: Đường H, khóm H, phường B, thị phố L, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy ủy quyền số 91/UQ-BLU ngày 21/8/2020 (ông B có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông C, sinh năm: 1964.

2. Bà D, sinh năm: 1958.

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà D: Ông E, theo các Giấy ủy quyền ngày 16-9-2021 và ngày 20-9-2021 (ông E có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư F, Văn phòng Luật sư F, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Luật sư Trang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông NLQ 1, sinh năm: 1981 (vắng mặt).
- + Ông NLQ 2, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
- + Ông NLQ 3, sinh năm: 1989 (vắng mặt).
- + Bà NLQ 4, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

- Người kháng cáo: Bị đơn bà D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25-7-2013 Ngân hàng TMCP A có cho ông C, bà D vay số tiền 150.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 1254/NT ngày 25-7-2013 và hợp đồng vay luân chuyển số K2513/1LC ngày 25-7-2013, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa, gạo; thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày 25-7-2013 đến 25-6-2014; lãi suất cho vay trong hạn: 14%/năm, lãi suất quá hạn là 21%/năm (bằng 150% lãi suất trong hạn).

Biện pháp đảm bảo nợ vay: Ông C, bà D cùng các con là ông NLQ 1, ông NLQ 2, ông NLQ 3 và bà NLQ 4 thế chấp cho ngân hàng tài sản gồm: Nhà ở và diện tích đất 2.365,4m² tọa lạc tại ấp 5, thị trấn Ngã Năm, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (nay là khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng) thuộc thửa đất số 01 tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG 622547 do Ủy ban nhân dân huyện Ngã Năm (nay là thị xã N) cấp ngày 02-7-2012 cho ông C và bà D theo hợp đồng thế chấp động sản số 4952/HĐTC ký ngày 25-7-2013.

Trong quá trình vay vốn, từ ngày nhận nợ đến ngày 23-7-2018, ông C, bà D trả được số tiền như sau: tiền vốn gốc là 150.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 19.541.667đồng, tiền lãi quá hạn là 15.458.335đồng. Tổng cộng: 185.000.002đồng

Ông C và bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 30-7-2020, ông C, bà D còn nợ các khoản sau: Lãi quá hạn: 100.483.657đồng, lãi phạt: 18.372.102đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D có trách nhiệm trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-7-2020 là 118.855.759đồng (gồm tiền lãi quá hạn 100.483.657đồng, tiền lãi phạt là 18.372.102đồng). Trong trường hợp ông C, bà D không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì yêu cầu xử lý, kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Riêng về một ngôi mộ nằm trong thửa đất thế chấp, người đại diện cho ngân hàng không đồng ý chừa lại nên mộ khi kê biên phát mãi đất để thu hồi nợ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông C và bà D đều thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng và đã thế chấp tài sản đúng như nguyên đơn trình bày.

Trong quá trình vay vốn, ông C, bà D đã thanh toán vốn gốc: 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 19.541.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.458.335

đồng. Tổng cộng đã trả cho ngân hàng 185.000.002 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về buộc ông bà trả nợ lãi quá hạn 100.483.657 đồng, lãi phạt do chậm trả lãi là: 18.372.102 đồng, tổng cộng là 118.855.759 đồng, thì ông C, bà D cho rằng nợ lãi này cao nên yêu cầu được tính tiền lãi theo lãi suất trong hạn.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ 1, ông NLQ 2, ông NLQ 3 và bà NLQ 4, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ về các văn bản như Thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng tất cả không có ý kiến.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST, ngày 22-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 299, 317, 318, 323, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu các bị đơn ông C và bà D thanh toán nợ lãi quá hạn là 100.483.657 đồng.

2. Không chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu các bị đơn ông C và bà D thanh toán tiền phạt do chậm trả lãi là 18.372.102 đồng.

- Buộc các bị đơn ông C và bà D thanh toán cho Ngân hàng TMCP A nợ lãi quá hạn là 100.483.657 đồng.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, ông C và bà D phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông C, bà D không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.365,4m² tọa lạc khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 622547 do Ủy ban nhân huyện N (nay là thị xã N) tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông C và bà D₃ ngày 02-7-2012; căn nhà của vợ chồng

ông C và bà D gồm, nhà tạm: có kết cấu vách tôn, mái tôn, đòn tay gỗ, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, nhà được cất vào năm 2010; nhà chính: có kết cấu vách xây tường 10, mái tôn thiếc, trần thạch cao, xà gồ gỗ, cột bê tông cốt thép, nền tráng gạch men, nhà được xây dựng vào năm 2010 và các loại cây trồng gồm: 07 cây quýt trồng năm 2018, 02 cây ổi trồng năm 2018, 06 cây táo trồng năm 2018, 45 cây dừa trồng năm 2018 và 55 cây xoài trồng năm 2018 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 4952/HĐTC ngày 25-7-2013 và Bản cam kết ngày 25-7-2013.

Phần đất có 01 ngôi mộ trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19 có diện tích $2,6m \times 1,3m = 3,38m^2$ không thuộc phạm vi xử lý tài sản thế chấp.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản thế chấp:

4.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông C và bà D phải chịu là 5.024.183đồng. Do bà D thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí, vì vậy ông C phải chịu là 2.512.091đồng.

Ngân hàng TMCP A phải chịu 3.000.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.970.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006881 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ngân hàng TMCP A còn phải nộp tiếp là 30.000đồng.

4.2. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP A phải chịu là 275.000đồng, các bị đơn ông C, bà D phải chịu là 275.000đồng. Do Ngân hàng TMCP A đã đóng tạm ứng số tiền này nên các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 275.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06-4-2021 bị đơn bà D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu được tính lãi theo lãi suất trong hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn bà D, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà D, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà D làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3 và NLQ 4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và việc vắng mặt của những người liên quan này không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 25-7-2013 giữa Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Bạc Liêu với ông C, bà D có ký các hợp đồng tín dụng số 1254/NT ngày 25-7-2013 và hợp đồng vay luân chuyển số K2513/ILC ngày 25-7-2013, theo hợp đồng thì ngân hàng cho ông C, bà D vay số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày 25-7-2013; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa, gạo; lãi suất vay trong hạn: 14%/năm; lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn, ngày nhận tiền là ngày 25-7-2013 nhưng đến ngày 23-7-2018 ông C, bà D đã trả được số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, trả tiền lãi trong hạn từ ngày 25-7-2013 đến ngày 25-6-2014 là 19.541.667 đồng, trả tiền lãi quá hạn từ ngày 25-6-2014 đến ngày 23-7-2018 là 15.458.335 đồng, như vậy còn nợ tiền lãi quá hạn từ ngày 25-6-2014 đến ngày 23-7-2018 là 100.483.657 đồng.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa ông C, bà D với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Bạc Liêu tại Hợp đồng vay luân chuyển số K2513/ILC ngày 25-7-2013 là tự nguyện nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 119, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi thỏa thuận hợp đồng các bên có thỏa thuận trả lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nhưng ông C, bà D vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán lãi quá hạn từ ngày 25-6-2014 đến ngày 23-7-2018 với số tiền là 100.483.657 đồng, do vậy ông C, bà D phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn này cho ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông C và bà D phải trả tiền nợ lãi quá hạn là 100.483.657 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đơn kháng cáo của bà D không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà D.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST, ngày 22-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 299, 317, 318, 323, 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu các bị đơn ông C và bà D thanh toán nợ lãi quá hạn là 100.483.657 đồng (một trăm triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng).

2. Không chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc yêu cầu các bị đơn ông C và bà D thanh toán tiền phạt do chậm trả lãi là 18.372.102 đồng (mười tám triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm lẻ hai đồng).

- Buộc các bị đơn ông C và bà D thanh toán cho Ngân hàng TMCP A nợ lãi quá hạn là 100.483.657 đồng (một trăm triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, ông C và bà D phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông C và bà D không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm có diện tích 2.365,4m² tọa lạc khóm N, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 622547 do Ủy ban nhân huyện ngã Năm (nay là thị xã N) tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông C và bà D ngày 02-7-2012; căn nhà của vợ chồng ông C và bà D gồm, nhà tạm: có kết cấu vách tôn, mái tôn, đòn tay gỗ,

cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng, nhà được cất vào năm 2010; nhà chính: có kết cấu vách xây tường 10, mái tôn thiếc, trần thạch cao, xà gỗ gỗ, cột bê tông cốt thép, nền tráng gạch men, nhà được xây dựng vào năm 2010 và các loại cây trồng gồm: 07 cây quýt trồng năm 2018, 02 cây ổi trồng năm 2018, 06 cây táo trồng năm 2018, 45 cây dừa trồng năm 2018 và 55 cây xoài trồng năm 2018 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 4952/HĐTC ngày 25-7-2013 và Bản cam kết ngày 25-7-2013.

Phần đất có 01 ngôi mộ trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19 có diện tích $2,6m \times 1,3m = 3,38m^2$ không thuộc phạm vi xử lý tài sản thế chấp.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí thẩm định tài sản thế chấp:

4.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông C và bà D phải chịu là 5.024.183đồng (năm triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm tám mươi ba đồng). Do bà D thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí, vì vậy ông C phải chịu là 2.512.091đồng (hai triệu, năm trăm mười hai nghìn, không trăm chín mươi một đồng).

Ngân hàng TMCP A phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.970.000đồng (hai triệu chín trăm bảy chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006881 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ngân hàng TMCP A còn phải nộp tiếp số tiền là 30.000đồng (ba chục nghìn đồng).

4.2. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP A phải chịu là 275.000đồng (hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng), các bị đơn ông C và bà D phải chịu là 275.000đồng (hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng). Do Ngân hàng TMCP A đã đóng tạm ứng số tiền này nên các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 275.000đồng (hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Tiến được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tố Hương